

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 16/TTr-VPUB ngày 08/8/2023 về việc trình ký Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và nội dung chi tiết của 174 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet phương án đơn giản đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị theo lộ trình đề ra tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh giai đoạn 2022-2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Bảo hiểm xã hội tỉnh;
 - Cục Thuế tỉnh;
 - Chi cục Hải quan Ninh Thuận;
 - VPUB: LĐ, TCD; KTTH; VXNV;
 - Lưu: VT, PVHCC. HTHG + CT
- (Báo cáo)

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	CẤP TỈNH		
1.	Thẩm định dự án đầu tư công trình Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
2.	Ứng cứu xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) do tỉnh quản lý	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
3.	Cấp phát, cập nhật các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin của các HTTT/CSDL do tỉnh quản lý	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
4.	Thu hồi các tài khoản truy cập vào hệ thống thông tin của các HTTT/CSDL do tỉnh quản lý	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
5.	Cấp mới hộp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6.	Cấp lại mật khẩu hộp thư điện tử công vụ	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
7.	Xếp loại mức độ chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Công nghệ thông tin, điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
8.	Thẩm định dự án đầu tư công trình Bưu chính, Viễn thông	Bưu chính, viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
9.	Thẩm định dự án đầu tư công trình Phát thanh truyền hình	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
10.	Thẩm định Đề án vị trí việc làm	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
11.	Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
12.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
13.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
14.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
15.	Thẩm định số lượng người làm việc	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
16.	Thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
17.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
18.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ
19.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức - Biên chế	Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
20.	Thủ tục thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ
21.	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
22.	Nâng bậc lương thường xuyên/nâng phụ cấp thâm niên vượt khung	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
23.	Thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
24.	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
25.	Điều động cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị khối nhà nước thuộc tỉnh đến các tỉnh, thành phố, cơ quan, đơn vị của Trung ương, khối Đảng, đoàn thể của tỉnh	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
26.	Xin đi nước ngoài theo nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức/Xuất cảnh đi công tác hoặc đi để giải quyết công việc riêng	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
27.	Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
28.	Từ chức, xin thôi giữ chức vụ quản lý, xin thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
29.	Nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
30.	Bổ nhiệm vào chức ngạch viên chức, xếp lương đối với người hoàn thành chế độ tập sự	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
31.	Bổ nhiệm vào chức ngạch công chức, xếp lương đối với người hoàn thành chế độ tập sự	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
32.	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
33.	Điều động công chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
34.	Biệt phái cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức	Sở Nội vụ
35.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
36.	Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh (<i>năm công tác</i>)	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
37.	Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
38.	Tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
39.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thi đua theo đợt hoặc thi đua theo chuyên đề	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
40.	Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
41.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đợt xuất	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
42.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
43.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
44.	Xét tặng Huy hiệu “Vi sự nghiệp xây dựng và phát	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	triển tỉnh Ninh Thuận”		
45.	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Thi đua, khen thưởng”	Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ
46.	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”	Tín ngưỡng, tôn giáo	Sở Nội vụ
47.	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành Tổ chức nhà nước”	Văn phòng	Sở Nội vụ
48.	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn thư, Lưu trữ”	Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ
49.	Hủy tài liệu hết giá trị	Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ
50.	Thẩm tra tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu Lưu trữ lịch sử	Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ
51.	Rà soát, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp phục vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp
52.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp
53.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp
54.	Cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng	Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở Tư pháp

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	về pháp luật	
55.	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và UBND tỉnh	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp
56.	Giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài	Nuôi con nuôi	Sở Tư pháp
57.	Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi các ban quản lý chợ hạng 1	Phát triển và quản lý chợ	Sở Công thương
58.	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Nhà ở	Sở Xây dựng
59.	Quyết định Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên	Sở Tài chính
60.	Phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm	Quản lý tài chính	Sở Tài chính
61.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
62.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
63.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	quản lý, sử dụng tài sản công		
64.	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
65.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
66.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
67.	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
68.	Quyết định bán tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
69.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
70.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
71.	Quyết định thanh lý tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
72.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
73.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
74.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
75.	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
76.	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
77.	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
78.	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
79.	Mua quyền hóa đơn	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
80.	Mua hóa đơn lẻ	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
81.	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	Quản lý giá và công sản	Sở Tài chính
82.	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công	Quản lý Tài chính đầu tư	Sở Tài chính
83.	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
84.	Phê duyệt phương án cổ phần hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính
85.	Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính
86.	Kiểm kê, phân loại/kê khai bổ sung di tích	Di sản Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
87.	Thành lập Ban Quản lý di tích (cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh) trên địa bàn tỉnh, Ban Quản lý di tích cấp huyện, Ban Quản lý di tích cấp xã	Di sản Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
88.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác Dân tộc	Ban Dân tộc
89.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác Dân tộc	Ban Dân tộc
90.	Quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến	Chăn nuôi	Ủy ban nhân dân tỉnh
91.	Quyết định mật độ chăn nuôi của địa phương	Chăn nuôi	Ủy ban nhân dân tỉnh
92.	Phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông địa phương	Khoa học Công nghệ và môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh
93.	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
94.	Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh
95.	Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh
96.	Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh
97.	Quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh	Thủy sản	Ủy ban nhân dân tỉnh
98.	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
99.	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
100.	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
101.	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
102.	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
103.	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	Thú y	Ủy ban nhân dân tỉnh
104.	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
105.	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân tỉnh
106.	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân tỉnh
107.	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân tỉnh
108.	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
109.	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
110.	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Nông thôn mới	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
111.	Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Nông thôn mới	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
112.	Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng	Lâm nghiệp	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
113.	Quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh	Thủy sản	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
114.	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương	Thủy sản	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
115.	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Sở Nông thôn và Phát triển Nông thôn
116.	Lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
117.	Điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh	Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
118.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục Dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo
119.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	Giáo dục Dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo
120.	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
121.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
122.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo
123.	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		thống giáo dục quốc dân	
124.	Bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổ chức cán bộ	Sở Giáo dục và Đào tạo
125.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Sở Giao thông Vận tải
126.	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Sở Giao thông Vận tải
127.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
128.	Phê duyệt danh mục mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ ngành Y tế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	Sở Y tế
129.	Phê duyệt danh mục mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Y tế	Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ	Sở Y tế
130.	Bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
131.	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
132.	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
133.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy	Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	hoạch sử dụng đất cấp huyện		
134.	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
135.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý Công ty có vốn nhà nước	Lao động, Tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
136.	Xếp hạng hoặc xếp lại hạng công ty có vốn nhà nước (hạng I, hạng II và hạng III)	Lao động, Tiền lương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
B	CẤP HUYỆN		
1.	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Thú y	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
2.	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Thú y	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
3.	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	Thú y	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
4.	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
5.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
6.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Kinh tế hợp tác và Phát triển	Ủy ban nhân dân huyện, thành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		nông thôn	phố
7.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
8.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
9.	Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
10.	Tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
11.	Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
12.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
13.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
14.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	Thi đua – Khen thưởng	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
15.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
16.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
17.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
18.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
19.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
20.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức – Biên chế	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
21.	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	Giáo dục - Đào tạo	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
22.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
23.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	Giáo dục Dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
24.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	Giáo dục Dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
25.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	Giáo dục Dân tộc	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
26.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
27.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
28.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
29.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
30.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
31.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
32.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	Văn hóa cơ sở	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
33.	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình dự án hoàn thành	Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
34.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu/điều chỉnh/bổ sung	Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
35.	Thẩm định/điều chỉnh và phê duyệt HSMT, HSYC, E-HSMT,E-HSYC	Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
36.	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá HSMT, HSYC, E-HSMT, E-HSYC	Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
37.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
38.	Thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hồ sơ thu hồi đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

(Tổng cộng: 174 TTHC nội bộ trong đó gồm: 136 TTHC nội bộ cấp tỉnh và 38 TTHC nội bộ cấp huyện)
